

Bản án số: 03 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2023

"V/v kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thu
2. Ông Dương Đức Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Kiện xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc L, sinh năm 1970;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Diêm H, phường Đức Ninh Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Anh Hoàng Ngọc Lam có mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1971;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Diêm H, phường Đức Ninh Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Chị Bùi Thị M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/9/2022 và nội dung được bổ sung tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn là anh Hoàng Ngọc L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị M kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 01/02/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đức N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số: 1991. Anh L và chị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hết sức căng thẳng. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có cơ hội cải thiện mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không mang lại kết quả gì. Vợ chồng hiện nay mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được. Vì vậy, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống, công việc.

- Về quan hệ con chung: Anh Hoàng Ngọc L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng với chị Bùi Thị M có 02 con chung là cháu Hoàng Xuân Đ, sinh ngày 25/9/1991 và cháu Hoàng Ninh B, sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Ngọc L trình bày để vợ chồng anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 04 tháng 11 năm 2022 - Bị đơn là chị Bùi Thị M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M cũng thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như anh Hoàng Ngọc L trình bày là đúng. Chị M cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau; cuộc sống chung không còn, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Theo trình bày của chị M thì *“Trong cuộc sống chồng tôi (là anh Hoàng Ngọc L) hay rượu chè, vũ phu, chửi vợ con, ngoại tình. Mỗi lần say về là đuổi vợ con ra khỏi nhà. Mới đây nhất là đánh tôi bị gãy tay đi bệnh viện mổ lấp lại xương, hiện nay vẫn chưa lành, vẫn còn một lần phẫu thuật”*. Vợ chồng hiện nay sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2018 đến nay; đã ăn riêng và ở riêng cuộc sống chung không còn. Mặc dù cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị M không còn biện pháp gì để níu giữ nhưng chị M xác định không đồng ý ly hôn bởi vì chị M vẫn mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân để cho con cái có một gia đình êm ấm.

- Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị M cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Xuân Đ, sinh ngày 25/9/1991 và cháu Hoàng Ninh B, sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị M trình bày vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới ra thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập. Anh L và chị M đã có bản tự khai trình bày ý kiến của

mình. Toà án đã tiến hành ba phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M chỉ đến Toà án viết bản tự khai và tham gia một phiên hoà giải cùng ngày nhưng việc hòa giải không đem đến sự thỏa thuận. Do vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà anh L vẫn kiên quyết xin ly hôn vì anh cho rằng nếu tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai, chị M vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Hoàng Ngọc L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn là chị Bùi Thị M có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Tổ dân phố Diêm H, phường Đức Ninh Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về việc đến Tòa án làm bản tự khai trình bày ý kiến. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải anh L và chị M không thống nhất, không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 01/12/2022 Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ để đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn chị M vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 12/01/2023 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn chị M đều vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị M.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hoàng Ngọc L và chị Bùi Thị M đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/02/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Đức N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình,

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số: 1991. Việc kết hôn giữa anh L và chị M hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Anh chị đã có thời gian khá dài chung sống, lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau để cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau; cuộc sống chung không còn, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Vợ chồng hiện nay sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được. Vì vậy, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống, công việc. Theo ý kiến của Bị đơn là chị M thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày có một số mâu thuẫn xuất phát từ phía anh L; chị cho rằng anh vũ phu, ngoại tình nhưng chị không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh các nội dung này. Anh chị không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, mặc dù Tòa án đã thông báo và tổ chức ba phiên hòa giải nhằm mục đích để vợ chồng hiểu nhau hơn và cùng nhau tìm các biện pháp khắc phục nhưng chị M và anh L không khắc phục được mâu thuẫn. Anh, chị đều bỏ mặc cuộc hôn nhân, cuộc sống chung không còn, việc ai nấy làm, không còn quan tâm chia sẻ đến nhau, không cùng nhau ngồi lại để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Mặc dù chị M xác định cuộc sống chung nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc nhưng chị M vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không muốn ly hôn. Chị M biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, chị cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc chị chỉ đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia một phiên hòa giải mà không đến tham gia các phiên hòa giải tiếp sau cũng như phiên tòa mà Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho anh Hoàng Ngọc L được ly hôn chị Bùi Thị M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh Hoàng Ngọc L và chị Bùi Thị M đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Xuân Đ, sinh ngày 25/9/1991 và cháu Hoàng Ninh B, sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Anh Hoàng Ngọc L và chị Bùi Thị M đều trình bày vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001305 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Hoàng Ngọc L được ly hôn chị Bùi Thị M.

2. Về quan hệ con chung:

Anh Hoàng Ngọc L và chị Bùi Thị M đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: cháu Hoàng Xuân Đ, sinh ngày 25/9/1991 và cháu Hoàng Ninh B, sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hoàng Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền anh Hoàng Ngọc L phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Hoàng Ngọc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/0001305 ngày 17/10/2022.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Ninh;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa